TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

2. Ông **Nguyễn Đức Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên toà:* Bà **Dương Thị Tiểu My** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc M – sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn T – sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 31/151H, Khóm H, Phường H, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh Hồ Văn T tự nguyện chung sống như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh B. Quá trình chung sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột. Anh T do ghen tuông vô cớ mà nhiều lần đánh đập, hành hung gây thương tích cho chị M. Có lần anh T mang cả hung khí vào phòng ngủ của hai vợ chồng để hành hung nhưng chị M phát

hiện kịp thời và chạy thoát được. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có một con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 12/12/2014. Hiện nay cháu H đang sống cùng với chị M. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu H.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Văn T sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập anh T tham gia phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án thống báo bằng văn bản cho anh T, yêu cầu anh T trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M, nhưng anh T vẫn không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Tuy nhiên, Tòa án gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát trễ 02 ngày so với quy định.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Mai đối với anh T. Về con chung, có đủ cơ sở giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn T, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Hồ Văn T có địa chỉ cư trú tại Khóm H, Phường H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy anh Hồ Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Hồ Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh B, nên hôn nhân của chị M và anh T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị M xác định quá trình chung sống thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột. Anh T do ghen tuông vô cớ mà nhiều lần đánh đập, hành hung gây thương tích cho chị M. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh T. Anh Hồ Văn T không có ý kiến.

Theo biên bản xác minh ngày 16 tháng 5 năm 2018, đại diện Ban nhân dân Khóm H, Phường H, thành phố B, tỉnh B xác định: Vào khoảng cuối năm 2017, anh T về sinh sống tại số 31/151H, Khóm H, Phường H, thành phố B, tỉnh B. Trong thời gian sinh sống ở đây, anh T không chung sống như vợ chồng với ai và cũng không có con với ai. Cho nên việc chị M xác định anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 là có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy chị M và anh T không sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2017 đến nay, trong thời gian này chị M và anh T không hàn gắn được tình cảm với nhau . Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt tại các buổi hòa giải. Qua đó cho thấy anh T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa chị M và anh T không đạt được.

Căn cứ Điều 51và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị M xác định có một con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 12/12/2014. Hiện nay cháu H đang sống cùng với chị M. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu H.

Anh T không thể hiện ý kiến có nguyện vọng nuôi con. Chị M hiện nay có công việc và thu nhập ổn định.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung là cháu Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu H đang sống cùng chị M, cho nên chị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M xác định trong quá trình chung sống, anh chị không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh Hồ Văn T không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M đối với anh Hồ Văn T. Chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với anh Hồ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 12/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hiện nay cháu Hân đang sống cùng chị M, nên chị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu anh Hồ Văn T cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Hồ Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung là cháu Hồ Thị Ngọc H, không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007782 ngày 25/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND xã Tân Thành Bình, Huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND xã Long Thạnh, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam